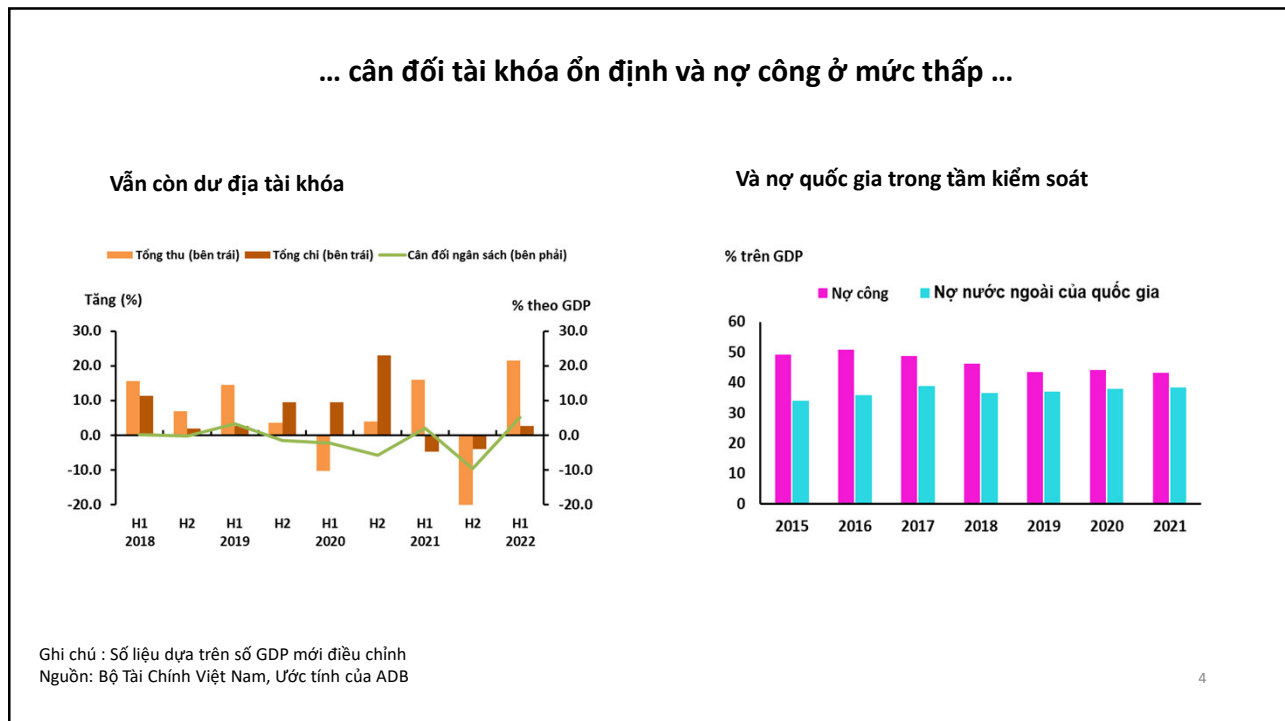
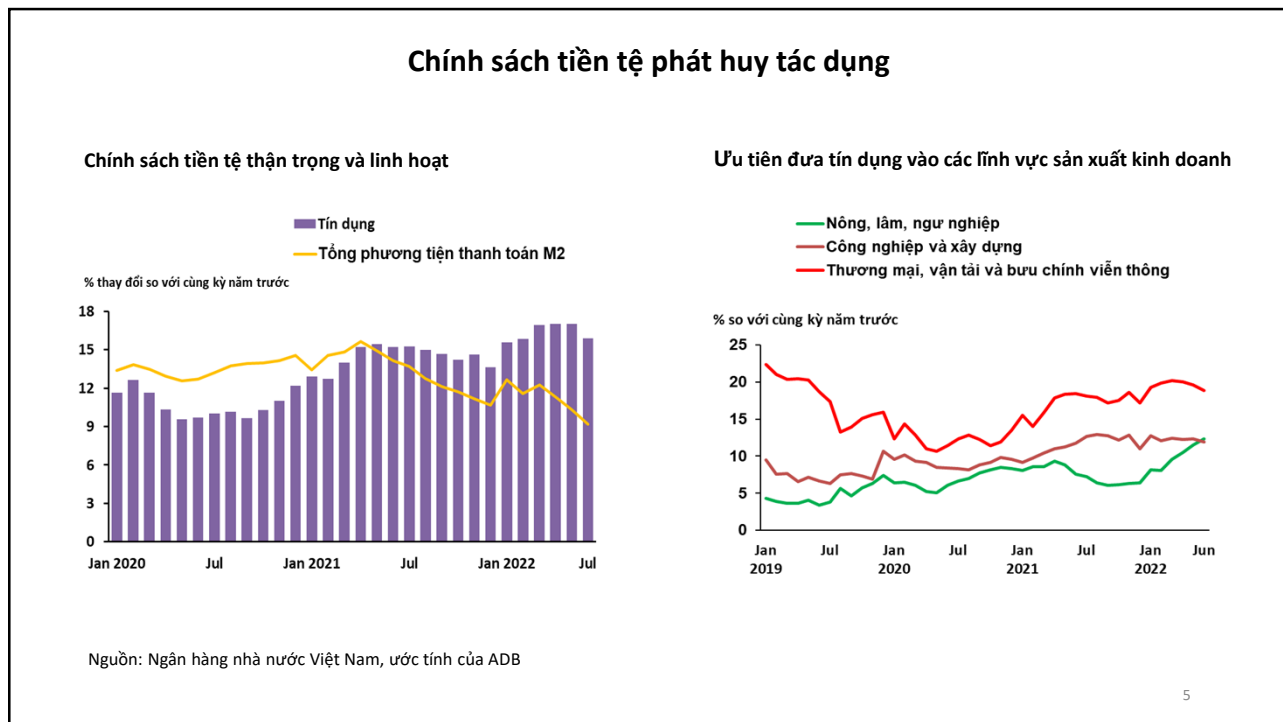


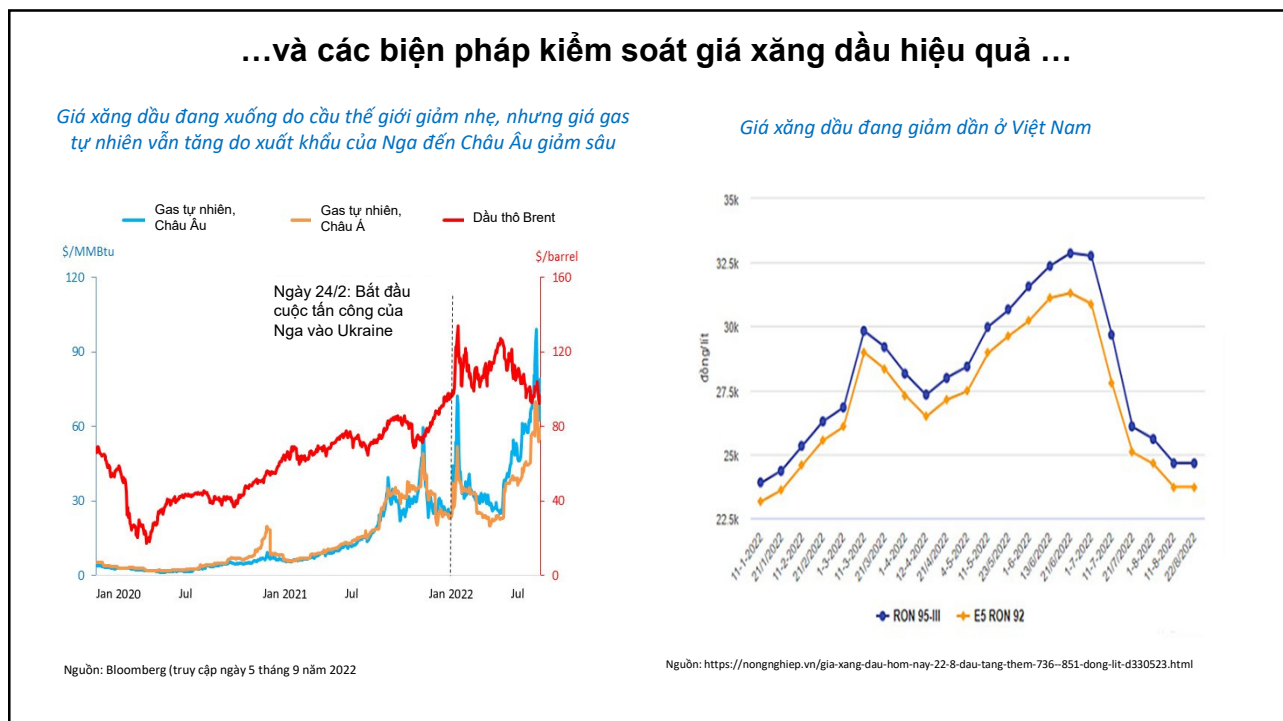
3



4



5

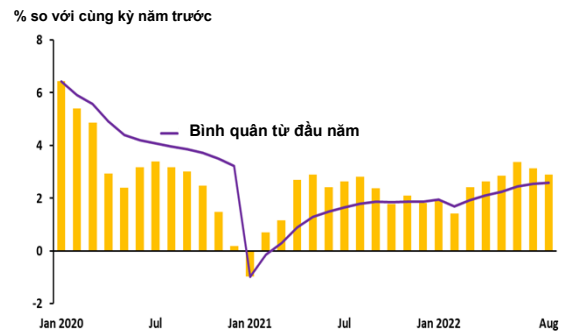
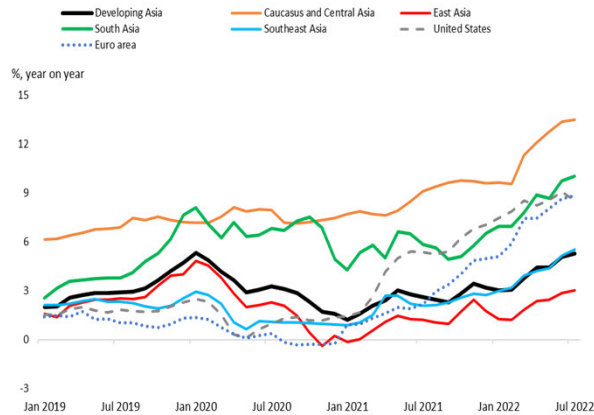


6

...góp phần kiềm chế lạm phát ở Việt Nam

Giá cả ở châu Á đang phát triển tăng thấp hơn so với Mỹ và khu vực Châu Âu trong năm nay, nhưng ở mức độ khác nhau giữa các tiểu vùng

Lạm phát ở Việt Nam tăng nhẹ



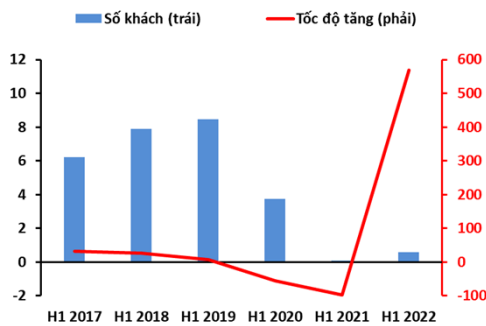
Nguồn: Công ty dữ liệu CEIC và Haver Analytics (cùng truy cập ngày 1 /9/ 2022).

Nguồn: GSO and HIS (2021)

7

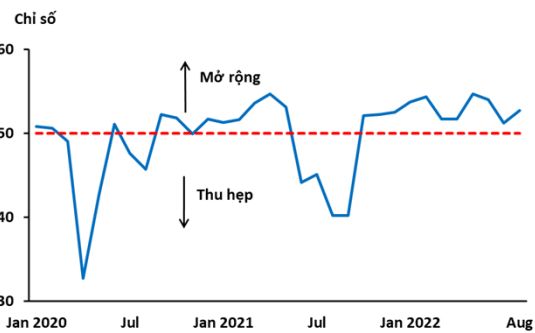
Kinh tế phục hồi nhờ động lực hồi phục mạnh mẽ của lĩnh vực dịch vụ và công nghiệp chế biến chế tạo

Lượng khách du lịch tăng nhanh



Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam

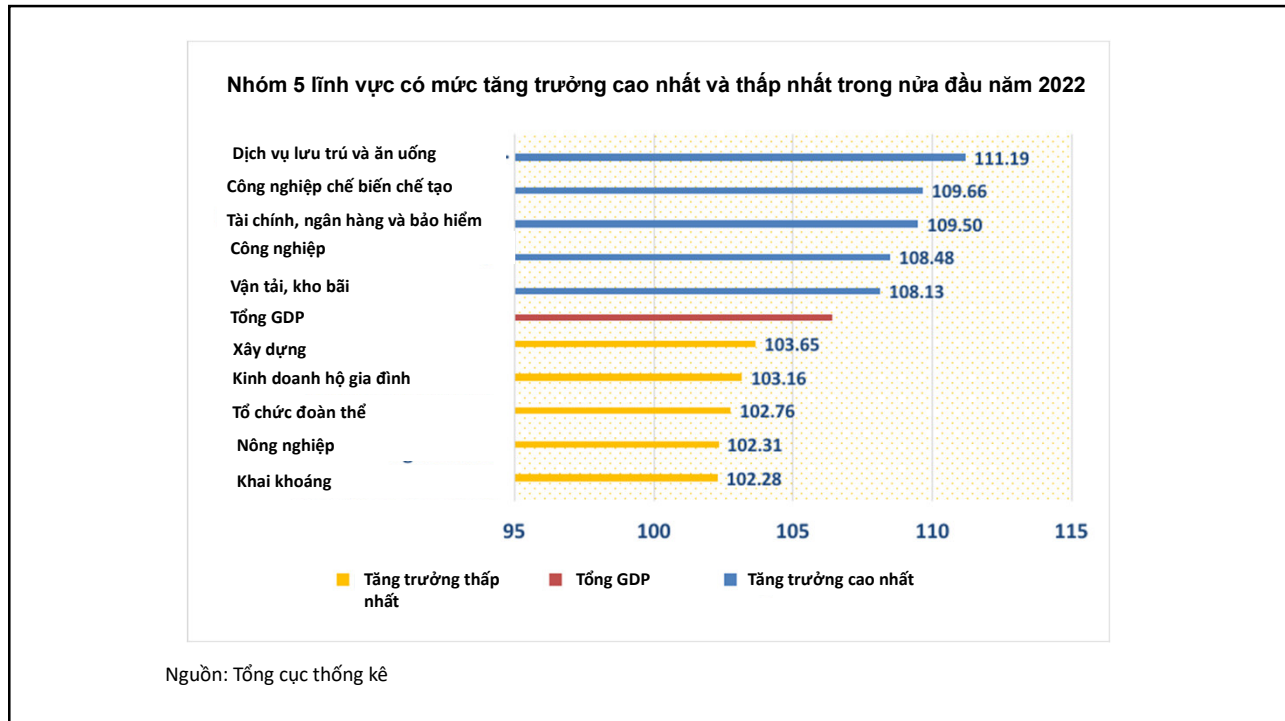
Chỉ số Nhà quản trị mua hàng cho thấy sản xuất được mở rộng



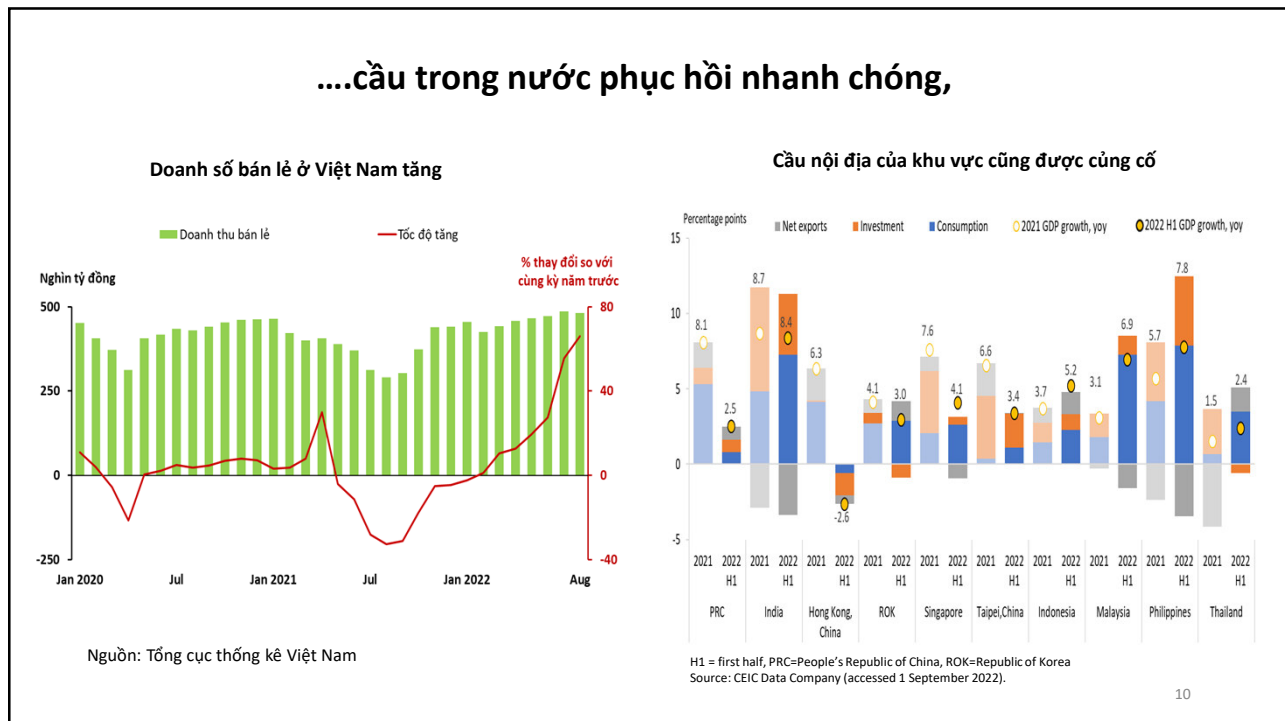
Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam và HIS (2021)

8

8



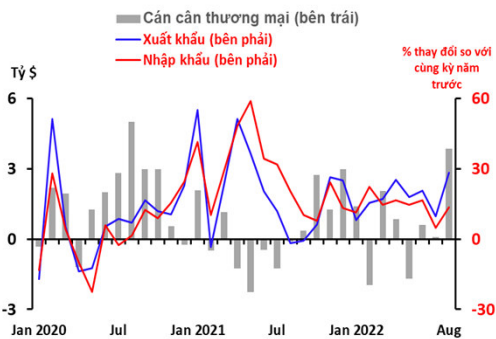
9



10

....và hoạt động đầu tư và thương mại lành mạnh

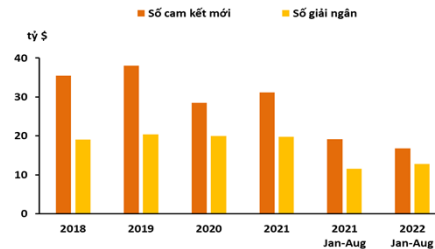
Thương mại tiếp tục thịnh dư



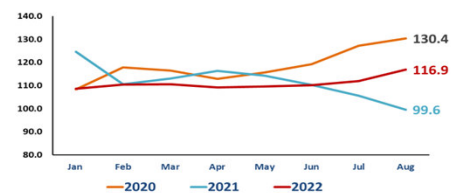
Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam

11

Giải ngân đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng



Đầu tư công tăng chậm



11

Tăng xuất khẩu so với cùng kỳ năm trước theo các thị trường lớn (%), 2022

EXPORT	US	PRC	Korea	Japan	EU	ASEAN	TOTAL
March	16.7	6.7	18.8	10.1	18.8	18.9	14.5
April	21.0	10.0	17.9	11.9	22.4	22.0	17.8
May	22.6	8.4	16.8	13.0	21.6	25.3	16.7
June	24.2	6.7	17.2	13.1	23.0	26.8	18.0
July	24.1	5.1	16.9	13.6	21.8	26.2	16.7
August	24.5	6.7	18.4	18.9	24.2	27.7	18.0

Nguồn: Hải quan Việt Nam

Tăng trưởng nhập khẩu so với cùng kỳ năm trước theo nhà cung cấp lớn (%), 2022

IMPORT	US	PRC	Korea	Japan	EU	ASEAN	TOTAL
March	-7.7	12.7	32.6	11.7	-3.0	15.1	16.5
April	-8.5	12.2	34.4	11.8	-2.8	13.7	16.8
May	-5.1	13.4	32.5	11.5	-2.7	14.8	16.0
June	-1.1	15.5	28.3	12.7	-2.5	15.3	16.4
July	-3.6	13.8	26.9	9.6	-2.9	14.1	14.7
August	-3.9	13.5	23.9	10.5	-3.6	16.2	14.1

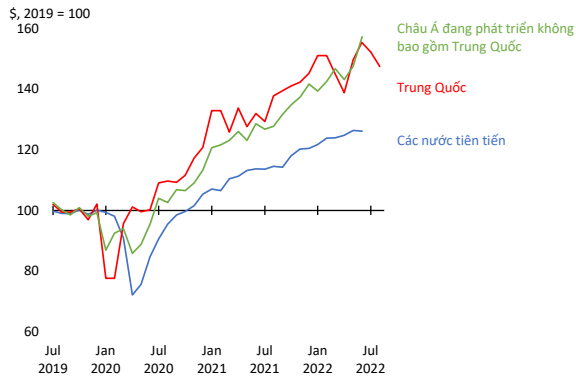
12

Tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro,....

Xuất khẩu vẫn rất lành mạnh ở khu vực Châu Á đang phát triển trong nửa đầu năm nay

Nhưng các đơn xuất khẩu cho hàng chế biến chế tạo giảm xuống, đặc biệt đối với 2 khu vực xuất khẩu hàng đầu về nguyên liệu điện tử

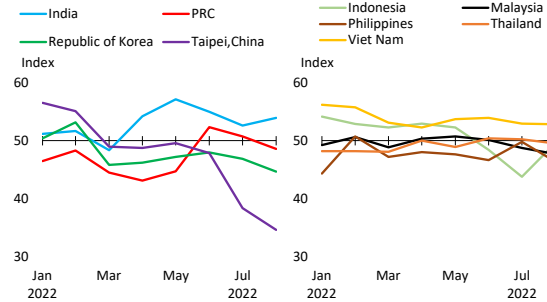
Xuất khẩu danh nghĩa



PRC = People's Republic of China
Note: Developing Asia excluding the PRC comprises Hong Kong, China, India, Indonesia, the Republic of Korea, Malaysia, Pakistan, Singapore, Taipei, China, Thailand, and Viet Nam. Data are seasonally adjusted. Sources: CEIC Data Company; [CPB World Trade Monitor](#) (both accessed 30 August 2022).

Đơn hàng xuất khẩu hàng chế biến chế tạo (>50 là mở rộng sản xuất; <50 là thu hẹp sản xuất)

A. Đông Á và Ấn Độ B. Đông Nam Á



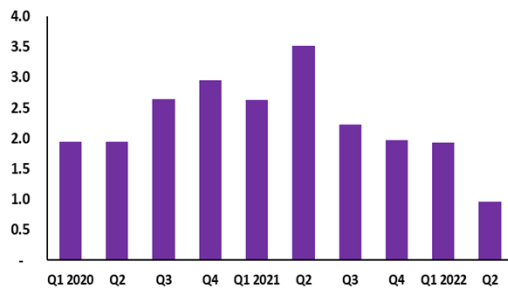
PRC = People's Republic of China. Source: IHS Markit (accessed 4 September 2022).

13

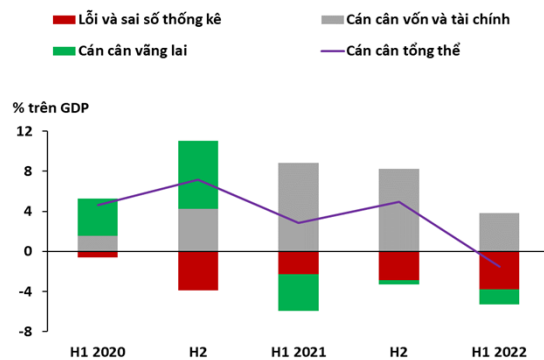
...gây áp lực lên cán cân đối ngoại

Chuyển giao vãng lai giảm xuống

Tỷ USD



Làm cho cán cân vãng lai thâm hụt



Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam, ước tính của ADB

14

14

TRIỂN VỌNG TRONG NĂM 2022-2023



15

Cầu trên thị trường thế giới dự kiến sẽ giảm

Lạm phát tăng cao khiến Mỹ và Liên minh châu Âu thắt chặt chính sách tiền tệ, làm cho cầu trên thị trường thế giới yếu đi

Các giả định cơ sở về kinh tế thế giới

	2022		2023	
	ADO tháng 4, 2022	Cập nhật tháng 9	ADO tháng 4, 2022	Cập nhật tháng 9
Tăng trưởng GDP, %				
Các nền kinh tế phát triển lớn ^a	3.5	1.9	2.4	1.0
Mỹ	3.9	1.6	2.3	1.0
Khu vực châu Âu	3.3	2.5	2.6	0.7
Nhật Bản	2.7	1.4	1.8	1.6
Giá dầu thô brent trung bình, giao ngay, \$/ thùng	107.00	106.00	93.00	95.00
Lạm phát chung, trung bình của các nền kinh tế lớn, %	4.8	7.2	2.1	3.0

^a Mức tăng trưởng bình quân theo tỷ trọng sức mua GDP.
Nguồn: Bloomberg; Công ty dữ liệu CEIC; Haver Analytics; Triển vọng kinh tế thế giới IMF; dự báo của ADB.

16

16

Triển vọng tăng trưởng được điều chỉnh ở các mức khác nhau giữa các tiểu khu vực

Tăng trưởng dự báo sẽ giảm xuống ở Đông và Nam Á, nhưng sẽ tăng lên ở các khu vực khác

Tăng trưởng GDP, %

	2022		2023			2022		2023	
	ADO tháng 4, 2022	Cập nhật tháng 9	ADO tháng 4, 2022	Cập nhật tháng 9		ADO tháng 4, 2022	Cập nhật tháng 9	ADO tháng 4, 2022	Cập nhật tháng 9
Châu Á đang phát triển (DA)	5.2	4.3 ↓	5.3	4.9 ↓					
DA không bao gồm Trung Quốc	5.5	5.3 ↓	5.8	5.3 ↓	Khu vực Caucasus & Trung Á	3.6	3.9 ↑	4.0	4.2 ↑
					Kazakhstan	3.2	3.0 ↓	3.9	3.7 ↓
Đông Á	4.7	3.2 ↓	4.5	4.2 ↓	Đông Nam Á	4.9	5.1 ↑	5.2	5.0 ↓
Hong Kong, China	2.0	0.2 ↓	3.7	3.7 —	Indonesia	5.0	5.4 ↑	5.2	5.0 ↓
People's Rep. of China	5.0	3.3 ↓	4.8	4.5 ↓	Malaysia	6.0	6.0 —	5.4	4.7 ↓
Republic of Korea	3.0	2.6 ↓	2.6	2.3 ↓	Philippines	6.0	6.5 ↑	6.3	6.3 —
Taipei, China	3.8	3.4 ↓	3.0	3.0 —	Singapore	4.3	3.7 ↓	3.2	3.0 ↓
Nam Á	7.0	6.5 ↓	7.4	6.5 ↓	Thailand	3.0	2.9 ↓	4.5	4.2 ↓
India	7.5	7.0 ↓	8.0	7.2 ↓	Viet Nam	6.5	6.5 —	6.7	6.7 —
					Pacific	3.9	4.7 ↑	5.4	5.5 ↑

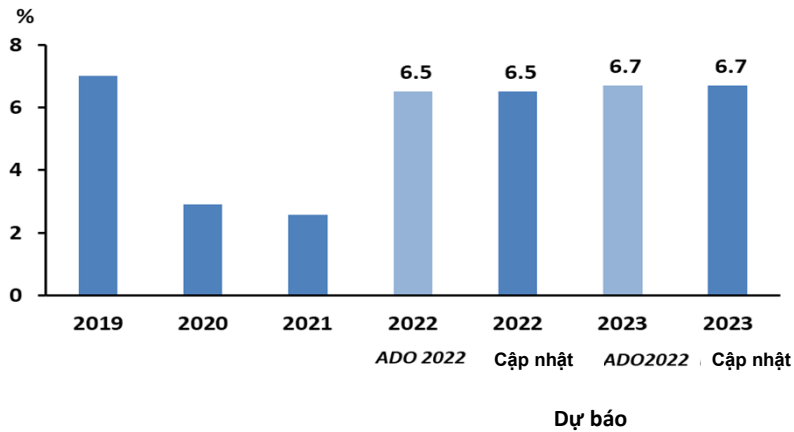
Ghi chú: Số liệu của Ấn độ trên cơ sở năm tài chính 2022 kết thúc vào 31/3/2023; ↑ = Dự báo tăng, ↓ = dự báo giảm, — = không thay đổi
Nguồn: Dữ liệu ADO.

17

17

Dự báo kinh tế tiếp tục phục hồi mạnh mẽ trong nửa cuối năm 2022 và tiếp tục tăng trưởng trong năm 2023

Tăng trưởng GDP (% theo năm)



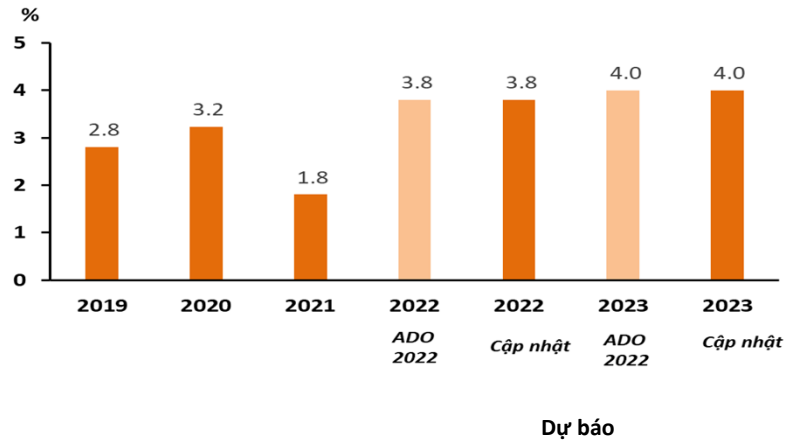
Nguồn: Ngân hàng phát triển Châu Á

18

18

Chính sách tiền tệ và kiểm soát giá hiệu quả góp phần kiềm chế lạm phát

Lạm phát (% theo năm)



Nguồn: Ngân hàng phát triển Châu Á

19

19



20

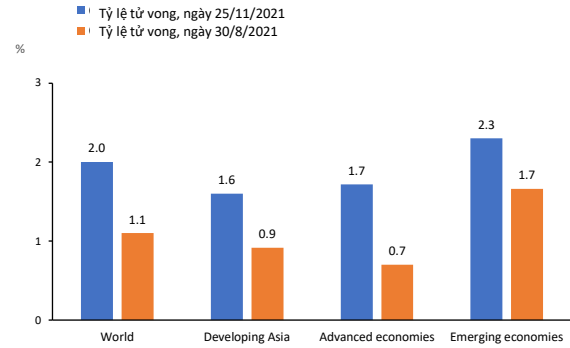
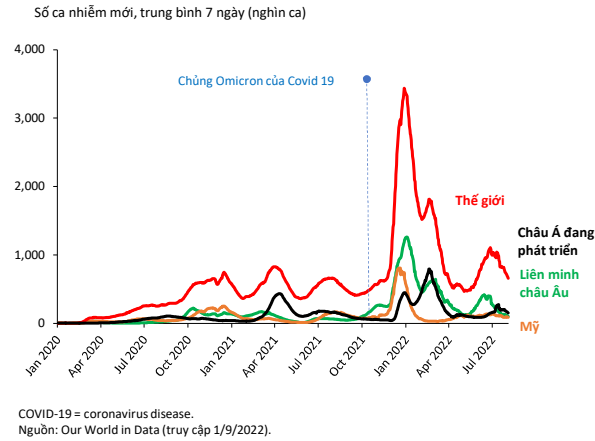
Tình hình dịch bệnh lắng xuống, với những rủi ro tử vong do COVID-19 giảm đi

Sau khi số liệu trên toàn cầu tăng cao vào đầu năm nay, số ca nhiễm Covid 19 đã giảm xuống và Châu Á đang phát triển đạt mức thấp nhất

Tỷ lệ tử vong do COVID-19 giảm trên toàn cầu trong năm nay

Số ca nhiễm mới Covid 19 hàng ngày, trung bình 7 ngày

Tỷ lệ tử vong do COVID-19



Ghi chú: Tổ chức Y tế thế giới xếp loại Omicron là biến thể đáng lo ngại vào ngày 26/11/2021. Tỷ lệ tử vong là số ca tử vong trên tổng số ca nhiễm được xác nhận.
 Nguồn: Mortality Risk of COVID-19 - Our World in Data (accessed 1 September 2022)

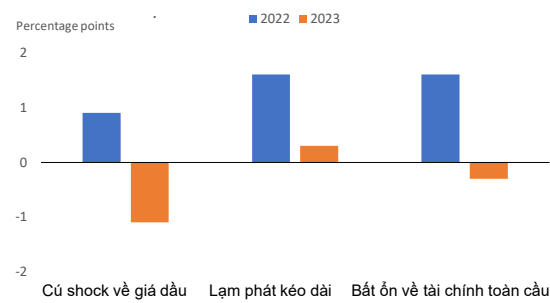
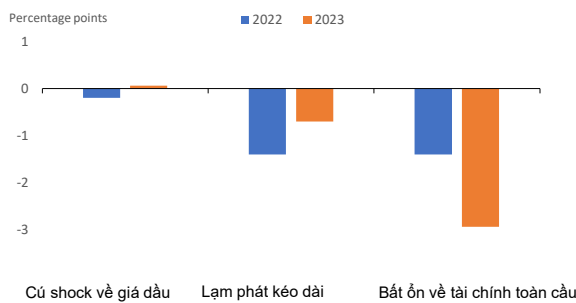
Tác động của một đợt tăng mạnh giá dầu khác, nếu xảy ra, sẽ rất nghiêm trọng

Việc tăng mạnh giá dầu lên \$200/thùng sẽ có tác động từ thấp đến nghiêm trọng, tùy thuộc vào kịch bản thực tế và các hệ quả đi kèm

Lạm phát chung của khu vực sẽ tăng mạnh nếu giá dầu tăng đột biến trở lại

Sự khác biệt về tăng trưởng GDP so với giả định cơ sở của ADO, ở các nước Châu Á đang phát triển, với các kịch bản khác nhau

Sự khác biệt về lạm phát chung, so với giả định cơ sở của ADO, ở các nước Châu Á đang phát triển, với các kịch bản khác nhau

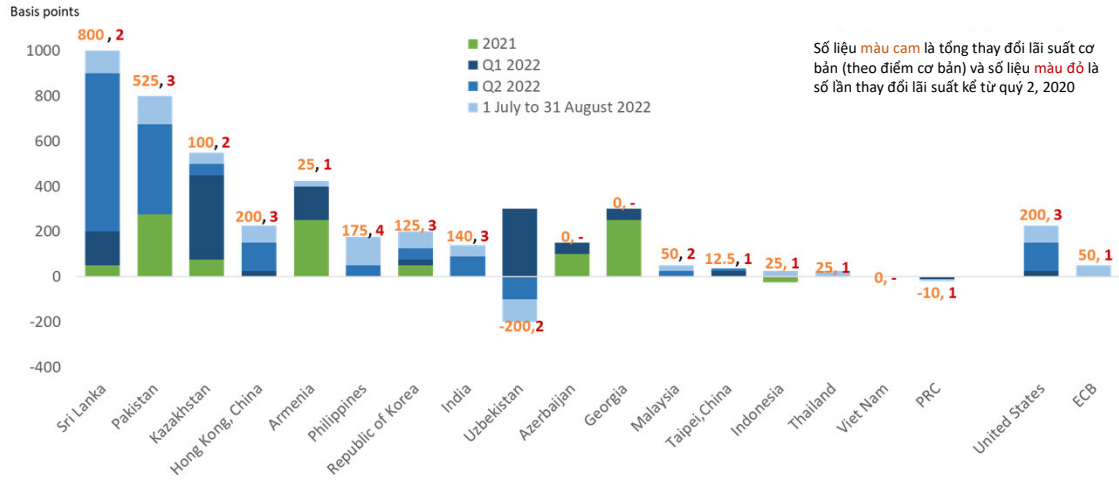


Ghi chú: Trong kịch bản "cú shock về giá dầu" giả định giá dầu tăng lên mức 2005/ thùng dầu Brent trong Q3 và Q4, 2022, với mức giá được điều chỉnh lại Q1, 2023. Trong "kịch bản lạm phát kéo dài", điều này dẫn đến không neo được lạm phát kỳ vọng nên phải thực hiện thêm chính sách thắt chặt tiền tệ. Trong kịch bản "bất ổn tài chính toàn cầu", việc tăng lo ngại rủi ro và niềm tin giảm sút dẫn đến sự rối loạn và suy giảm hoạt động kinh tế toàn cầu. Nguồn: Oxford Economics và ước tính của ADB.

Chính sách tiền tệ thắt chặt ngày càng tăng

Tiếp theo 14 lần tăng lãi suất trong quý 1, ngân hàng trung ương của các nước Châu Á đang phát triển tăng lãi suất 29 lần từ tháng 4 đến tháng 8—để kiểm chế lạm phát và đảm bảo ổn định tài chính vĩ mô

Thay đổi các mức lãi suất chính sách (một số nền kinh tế chọn lọc)



ECB = Ngân hàng trung ương Châu Âu, PRC = Trung Quốc
 Nguồn: Bloomberg (truy cập ngày 31/8/2022).

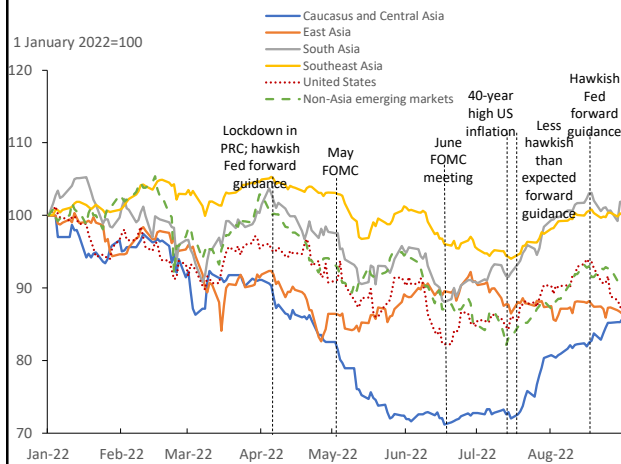
Các điều kiện tài chính được thắt chặt hơn so với tháng 4, mặc dù quý 3 có giảm

Thị trường cổ phiếu châu Á đã được điều chỉnh trong Q2 nhưng đã hồi phục phần nào trong Q3, theo sát kỳ vọng về thắt chặt tiền tệ của FED

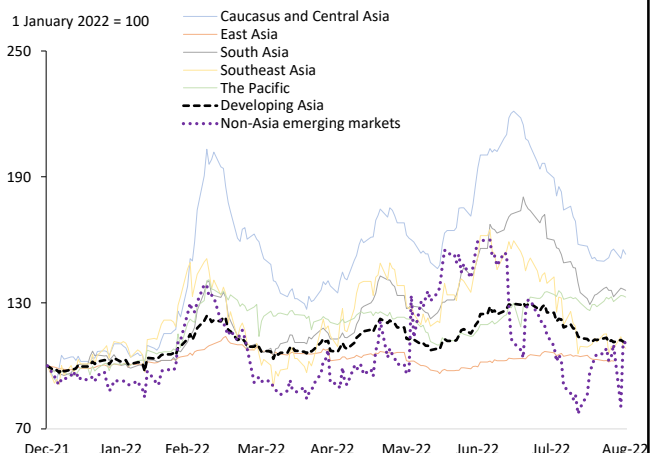
Tương tự, phụ phí rủi ro tăng trong Q2, sau đó giảm xuống

Hoạt động của thị trường vốn

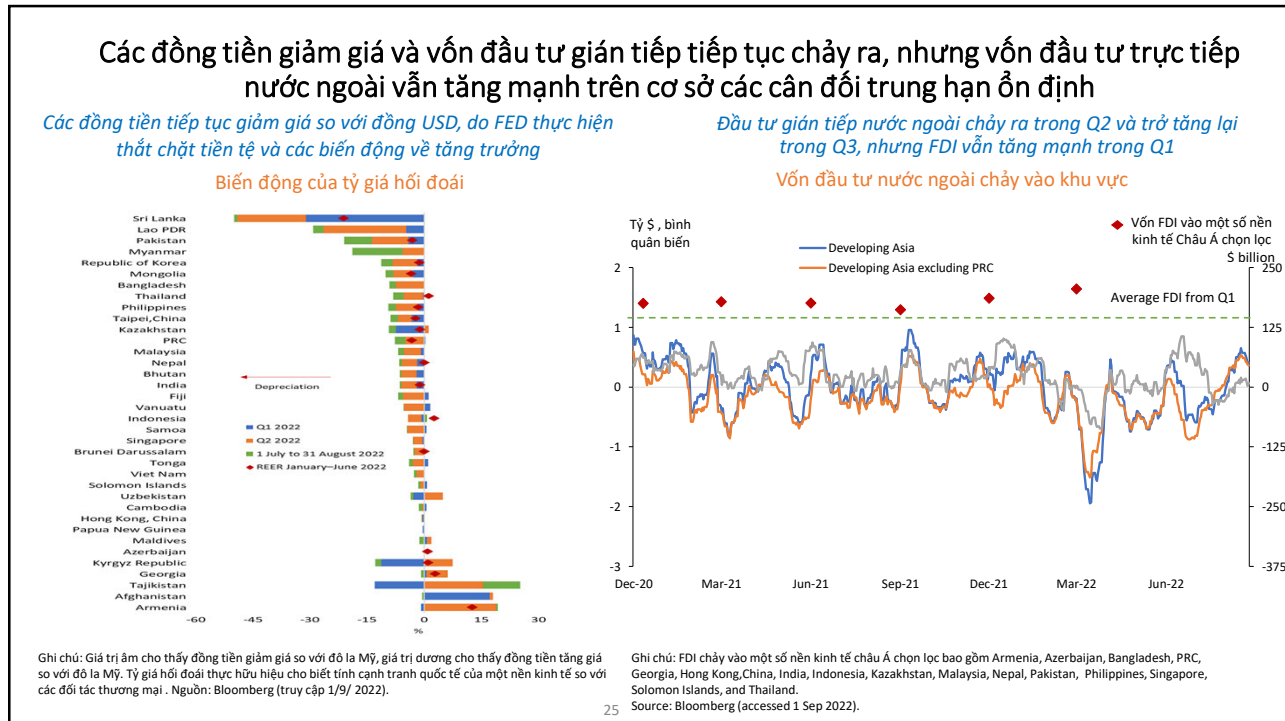
Phụ phí JP Morgan EMBI, một số nền kinh tế Châu Á



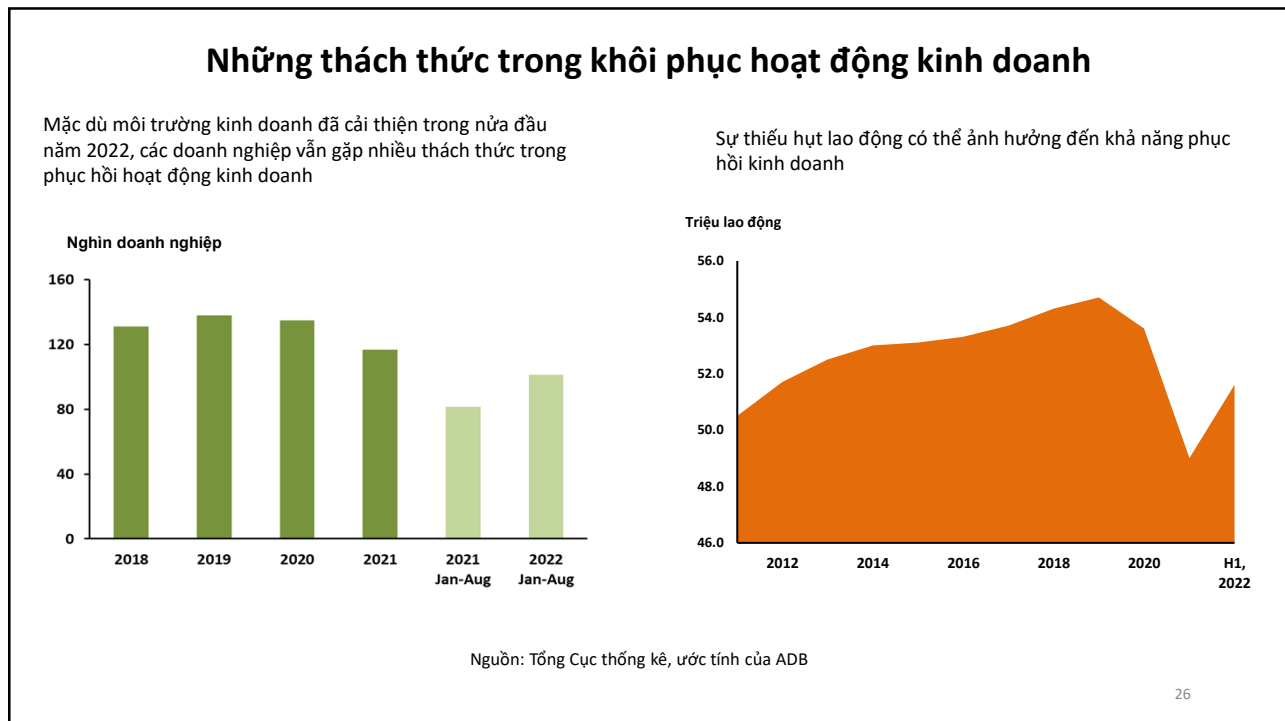
FOMC = Federal Open Market Committee.
 Note: Non-Asia emerging markets include Brazil, Russian Federation, and South Africa.
 Source: Bloomberg (accessed 1 Sep 2022).



Note: JP Morgan EMBIG (Emerging Market Bond Index Global) index is a benchmark index to capture government bond performance in global emerging markets, developed by JP Morgan. Non-Asia emerging markets include Argentina, Brazil, Mexico, Poland, South Africa, and Republic of Türkiye.
 Source: Bloomberg (both accessed 1 Sep 2022).



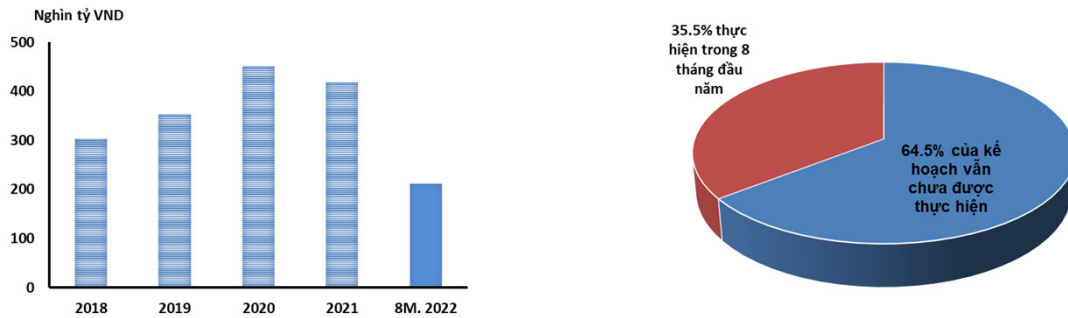
25



26

Việc chậm thực hiện đầu tư công và các khoản chi xã hội so với kế hoạch sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng

Giải ngân vốn đầu tư công ở mức thấp trong 8 tháng đầu năm 2022



Nguồn: Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và đầu tư, và ước tính của ADB

27

27

Thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế

	Báo cáo của ban chỉ đạo thực hiện ERDP ngày 28/7	Báo cáo của MPI ngày 6/9
Tổng số (tỷ đồng)	48,000.0	55,500.0
Ngân hàng chính sách xã hội	9,212.0	10,073.0
Hỗ trợ cho thuê nhà	196.7	3,045.0
Giảm thuế (VAT, các loại thuế khác)	31,000.0	34,970.0
Giãn thuế (tổng số tiền giãn thuế 52,000)	7.4	7.4
Khoản vay hỗ trợ lãi suất (hỗ trợ thực tế)	1.7	13.5
Chi phí thực của ngân hàng chính sách (5% tổng doanh thu)	460.6	503.7
Tổng số liệu giải ngân điều chỉnh	39,248.6	45,930.7
Tổng gói (340 nghìn tỷ)	11.5	13.5

Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư

28

Thông điệp chính

Kinh tế phục hồi vững chắc nhờ các cân đối vĩ mô mạnh mẽ và động lực là sự tăng trưởng nhanh hơn dự kiến của các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, dịch vụ và tiêu dùng nội địa

Rủi ro đối với triển vọng kinh tế của Việt Nam vẫn còn cao. Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam. Sự thiếu hụt về lao động dự kiến sẽ ảnh hưởng đến việc phục hồi nhanh chóng lĩnh vực dịch vụ và các ngành sản xuất hàng xuất khẩu sử dụng nhiều lao động trong năm 2022.

Chậm thực hiện đầu tư công và các khoản chi tiêu xã hội so với kế hoạch, đặc biệt là việc thực hiện chương trình phát triển và phục hồi kinh tế của chính phủ, sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng trong năm nay và năm sau.

29